

Số: **77** /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **05** tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan thực hiện các Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 625/TTr-SNN&MT ngày 30 tháng 7 năm 2026 (kèm theo báo cáo thẩm định số 315/BC-STP ngày 24/7/2026 của Sở Tư pháp);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030, cụ thể hóa quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu;
- c) Các thôn, bản và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026-2030;

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Thôn tổ chức thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng Thôn nông thôn mới trên địa bàn.

b) Hướng dẫn các Thôn lập hồ sơ, tổ chức đánh giá thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu Thôn nông thôn mới; thực hiện thẩm định, xét, công nhận và công bố Thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026

2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0, V1, NLN3, TH4
- Lưu: NLN1, VT (05b-QD 105).

Ký bởi: Nguyễn Khắc Hiếu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khăng

100

100

PHỤ LỤC BỘ TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH, GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số **11** /2026/QĐ-UBND ngày **05** /8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Yêu cầu đạt	Các sở, ngành phối hợp, hỗ trợ địa phương thực hiện
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm theo hướng dẫn	100%	Sở Xây dựng
		1.2. Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa)	≥90%	Sở Xây dựng
		1.3. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo tin cậy và ổn định.	98%	Sở Công thương
		1.4. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phát triển kinh tế nông thôn	2.1. 100% có vườn liên kề nhà ở được chỉnh trang cải tạo đảm bảo bố trí cây trồng khoa học, tạo cảnh quan đẹp; Trồng cây phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương; có sản phẩm đủ điều kiện VSATTP phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho thị trường; có hệ thống tưới tiêu phù hợp.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Văn hóa, giáo dục, y tế	3.1. Văn hóa		Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Có Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn; có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt các dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.	Đạt	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và điểm sinh hoạt công cộng có quy chế quản lý, hoạt động, khai thác và vận hành hiệu quả.	Đạt	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động hàng năm; duy trì hoạt động đa dạng các loại hình (văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt cộng đồng...) phù hợp với điều kiện thực tế; có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động hiệu quả	Đạt	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Thôn được tặng danh hiệu “Thôn văn hóa” 03 năm liên tục năm trước liền kề và năm công nhận. Có hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định của pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.	Đạt	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Người dân trên địa bàn tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.	45%	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch
		- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được	95%	Sở Văn hóa thể thao và Du Lịch

		phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật. Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả.		và Du Lịch
		3.2. Giáo dục: Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		3.3. Y tế		Sở Y tế
		- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế (kết quả trong 12 tháng)	≥ 90%	Sở Y tế
		- Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử.	≥ 90%	Sở Y tế
4	Giảm nghèo và an sinh xã hội	4.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 70%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.2. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Sở Nội vụ
		4.3. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 4%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Môi trường và cảnh quan nông thôn	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn thôn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (cơ sở chăn nuôi) có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 95%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, sử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp, phù hợp, hiệu quả	≥ 50%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.4. Có mô hình bảo vệ môi trường, hoạt động thường xuyên, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.5. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 65%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.7. Định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng có tổ chức và làm vệ sinh chung toàn thôn; nếu có điểm tập kết và trung chuyển rác được bố trí trên địa bàn thôn thì điểm này phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh xung quanh (hoặc được xây tường bao, quây kín bằng vật liệu khác kết hợp vẽ tranh về chủ đề môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Hệ thống chính trị và an ninh trật tự	6.1. Chi bộ thôn được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Sở Nội vụ
		6.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Sở Nội vụ
		6.3. An ninh trật tự: Không để xảy ra các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người, kéo dài, trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, năm sau giảm so với năm trước.	Đạt	Công an tỉnh